

DANH MỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC) SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Quyết định số _____ /QĐ-UBND ngày _____ /8 /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk)

I. DANH MỤC TTHC MỚI BAN HÀNH, ĐÍNH CHÍNH (Theo Quyết định số 2031/QĐ-BTNMT ngày 21/7/2023)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng dịch vụ công trực tuyến	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
							Tiếp nhận	Trả kết quả
1	Đăng ký khai thác sử dụng nước mặt, nước biển	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012; - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023.	Toàn trình	x	x
2	Đăng ký khai thác nước dưới đất	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không		Toàn trình	x	x
3	Trả lại giấy phép tài nguyên nước	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không		Toàn trình	x	x
4	Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện và hồ chứa thủy lợi	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không	- Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012; - Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015; Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023.	Một phần	x	x

II. DANH MỤC TTHC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, ĐÍNH CHÍNH

1. Danh mục TTHC sửa đổi, đính chính cấp tỉnh

STT	Tên thủ tục hành chính	Nội dung sửa đổi, đính chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng DVC TT	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
								Tiếp nhận	Trả kết quả
1	Lấy ý kiến UBND cấp tỉnh đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh; dự án đầu tư xây dựng hồ chứa, đập dâng trên dòng chính lưu vực sông liên tỉnh thuộc trường hợp phải xin phép; công trình khai thác, sử dụng nước mặt (không phải là hồ chứa, đập dâng) sử dụng nguồn nước liên tỉnh với lưu lượng khai thác từ	Đính chính tên TTHC theo Quyết định số 438/QĐ-BTNMT ngày 01/3/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường: “Lấy ý kiến UBND cấp tỉnh đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh, dự án đầu tư xây dựng hồ, đập dâng trên dòng chính thuộc lưu vực sông liên tỉnh”	- 40 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với việc lấy ý kiến đối với các dự án đầu tư xây dựng hồ chứa, đập dâng trên dòng chính lưu vực sông liên tỉnh thuộc trường hợp phải xin phép; công trình khai thác, sử dụng nước mặt (không	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012; - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023.	Một phần	x	x

	10 m³/giây trở lên (1.001740) - (Số thứ tự 03 Mục I Quyết định số 751/QĐ-UBND ngày 20/4/2023) - Quyết định số 2031/QĐ-BTNMT ngày 21/7/2023		phải là hồ chứa, đập dâng) sử dụng nguồn nước liên tỉnh với lưu lượng khai thác từ 10m³/giây trở lên; - 60 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với việc lấy ý kiến đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước liên tỉnh						
2	Cấp lại giấy phép tài nguyên nước (1.000824) - (Số thứ tự 07 khoản 1, Mục II Quyết định số 751/QĐ-UBND ngày 20/4/2023) - Quyết định số	Cơ quan thực hiện: UBND cấp tỉnh; Sở Tài nguyên và Môi trường	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	- Phí thẩm định hồ sơ: Trường hợp cấp lại giấy phép áp dụng mức thu bằng 50% cấp mới. - Giảm 20% mức thu quy định đối với việc thực hiện TTHC bằng hình	- Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012; - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP; - Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022;	Toàn trình	x	x

	2031/QĐ-BTNMT ngày 21/7/2023				thức trực tuyến.	Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023.			
3	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m³/ngày đêm (1.004232) - (Số thứ tự 1 khoản 1, Mục II Quyết định số 751/QĐ-UBND ngày 20/4/2023) - Số thứ tự 01 Mục II Quyết định số 1235/QĐ-BTNMT ngày 15/5/2023	Bổ sung tên văn bản quy phạm pháp luật vào phần căn cứ pháp lý: “Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường”	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	- Phí thăm định hồ sơ: + Phí thăm định Thiết kế thăm dò có lưu lượng nước dưới 200m³/ngày đêm: 400.000 đồng; + Đối với đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng nước từ 200 m³ đến dưới 500 m³/ngày đêm: 1.100.000 đồng; + Đối với đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng nước từ 500 m³ đến dưới 1.000 m³/ngày đêm: 2.600.000 đồng; + Đối với đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng nước từ 1.000 m³	- Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012; - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; - Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022; Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023.	Một phần	x	x

					đến dưới 3.000 m³/ngày đêm: 5.000.000 đồng. - Giảm 20% mức thu quy định đối với việc thực hiện TTHC bằng hình thức trực tuyến.				
4	Gia hạn/điều chỉnh nội dung giấy giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m³/ngày đêm (1.004228) - (Số thứ tự 2 khoản 1, Mục II Quyết định số 751/QĐ-UBND ngày 20/4/2023) - Số thứ tự 02 Mục II Quyết định số 1235/QĐ-BTNMT ngày 15/5/2023	Bổ sung tên văn bản quy phạm pháp luật vào phần căn cứ pháp lý: “Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường”	25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	- Phí thẩm định hồ sơ: Trường hợp thẩm định gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép áp dụng mức thu bằng 50% cấp mới. - Giảm 20% mức thu quy định đối với việc thực hiện TTHC bằng hình thức trực tuyến.	- Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012; - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; - Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022; Nghị quyết 08/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023.	Một phần	x	x

5	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m³/ngày đêm (1.004223) - (Số thứ tự 3 khoản 1, Mục II Quyết định số 751/QĐ-UBND ngày 20/4/2023) - Số thứ tự 3 Mục II Quyết định số 1235/QĐ-BTNMT ngày 15/5/2023	Bổ sung tên văn bản quy phạm pháp luật vào phần căn cứ pháp lý: “Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường”	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Phí thăm định Báo cáo khai thác, sử dụng nước dưới đất: + Đối với báo cáo kết quả thăm dò có lưu lượng nước dưới 200 m³/ngày đêm: 400.000 đồng; + Đối với báo cáo kết quả thăm dò có lưu lượng nước từ 200 m³ đến 500m³/ngày đêm: 1.100.000 đồng; + Đối với báo cáo kết quả thăm dò có lưu lượng nước từ 500 m³ đến 1.000m³/ngày đêm: 2.600.000 đồng; + Đối với báo cáo kết quả thăm dò có lưu lượng nước từ 1.000 m³	- Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012; - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP; - Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND; Nghị quyết 08/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023.	Một phần	x	x
---	---	--	---	--	--	----------	---	---

					đến dưới 3.000m³/ngày đêm: 5.000.000 đồng - Giảm 20% mức thu quy định đối với việc thực hiện TTHC bằng hình thức trực tuyến.				
6	Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m³/ngày đêm (1.004211); - (Số thứ tự 4 khoản 1, Mục II Quyết định số 751/QĐ-UBND ngày 20/4/2023) - Số thứ tự 4 Mục II Quyết định số 1235/QĐ-BTNMT ngày 15/5/2023	Bổ sung tên văn bản quy phạm pháp luật vào phần căn cứ pháp lý: “Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường”	25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	- Phí thẩm định hồ sơ: Trường hợp thẩm định gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép áp dụng mức thu bằng 50% cấp mới. - Giảm 20% mức thu quy định đối với việc thực hiện TTHC bằng hình thức trực tuyến.	- Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012; - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 và môi trường; - Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022.	Một phần	x	x

7	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác nước dưới $2\text{m}^3/\text{giây}$ và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m^3, hoặc lưu lượng khai thác từ $2\text{m}^3/\text{giây}$ trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m^3, hoặc đối với công trình khai thác với lưu lượng khai thác dưới $5\text{ m}^3/\text{giây}$; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000	Bổ sung tên văn bản quy phạm pháp luật vào phần căn cứ pháp lý: “Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường”	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		- Phí thẩm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt: + Đối với đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho các mục đích khác với lưu lượng dưới $500\text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm: 600.000 đồng; + Đối với đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ $0,1\text{m}^3/\text{giây}$ đến dưới $0,5\text{m}^3/\text{giây}$ hoặc để phát điện với công suất từ 50 kw đến dưới 200 kw hoặc cho	- Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012; - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; - Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022; Nghị quyết 08/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023.	Một phần	x	x

m³/ngày đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất bao gồm cả nuôi trồng thủy sản, kinh doanh, dịch vụ trên đất liền với lưu lượng dưới 1.000.000 m³/ngày đêm (1.004179) - (Số thứ tự 5 khoản 1, Mục II Quyết định số 751/QĐ-UBND ngày 20/4/2023) - Số thứ tự 5 Mục II Quyết định số 1235/QĐ-BTNMT ngày 15/5/2023				các mục đích khác với lưu lượng từ 500m³ đến dưới 3.000m³/ngày đêm: 1.800.000 đồng; + Đối với đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 0,5m³ đến dưới 1m³/giờ hoặc để phát điện với công suất từ 200 kw đến dưới 1.000kw hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 3.000m³ đến dưới 20.000m³/ngày đêm: 4.400.000 đồng; + Đối với đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông				
--	--	--	--	--	--	--	--	--

					nghiệp với lưu lượng từ 1m³/giây đến dưới 2m³/giây hoặc để phát điện với công suất từ 1.000 kw đến dưới 2.000 kw hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 20.000m³ đến dưới 50.000 m³/ngày đêm: 8.400.000 đồng. - Giảm 20% mức thu quy định đối với việc thực hiện TTHC bằng hình thức trực tuyến.				
8	Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác	Bổ sung tên văn bản quy phạm pháp luật vào phần căn cứ pháp lý: “Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một	25 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	- Phí thẩm định hồ sơ: Trường hợp thẩm định gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép áp dụng mức thu bằng 50% cấp mới. - Giảm 20%	- Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012; - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023; - Nghị định số	Một phần	x	x

	nước dưới 2m³/giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m³, hoặc lưu lượng khai thác từ 2m³/giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m³, hoặc đối với công trình khai thác với lưu lượng khai thác dưới 5 m³/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m³/ngày đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất bao gồm cả nuôi trồng thủy sản, kinh doanh, dịch vụ trên đất liền với lưu lượng dưới 1.000.000 m³/ngày đêm (1.004167)	số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường”			mức thu quy định đối với việc thực hiện TTHC bằng hình thức trực tuyến.	22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; - Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022; Nghị quyết 08/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023.			
--	---	--	--	--	--	---	--	--	--

	- (Số thứ tự 6 khoản 1, Mục II Quyết định số 751/QĐ-UBND ngày 20/4/2023); - Số thứ tự 6 Mục II Quyết định số 1235/QĐ-BTNMT ngày 15/5/2023.								
9	Cấp Giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ (1.004122); - (Số thứ tự: 11 Quyết định số 1119/QĐ-UBND ngày 14/5/2021); - Số thứ tự 7 Mục II Quyết định số 1235/QĐ-BTNMT ngày 15/5/2023.	Bổ sung tên văn bản quy phạm pháp luật vào phần căn cứ pháp lý: “Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường”	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	- Phí thẩm định hồ sơ: 1.400.000 đồng/hồ sơ. - Giảm 20% mức thu quy định đối với việc thực hiện TTHC bằng hình thức trực tuyến.	- Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012; - Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014; - Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20/10/2022; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; - Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022; Nghị quyết 08/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023.	Toàn trình	x	x

10	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ (2.001738); - Số thứ tự 12 Quyết định số 1119/QĐ-UBND ngày 14/5/2021; - Số thứ tự 8 Mục II Quyết định số 1235/QĐ-BTNMT ngày 15/5/2023.	Bổ sung tên văn bản quy phạm pháp luật vào phần căn cứ pháp lý: “Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường”	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	- Phí thẩm định hồ sơ: 700.000 đồng/hồ sơ. - Giảm 20% mức thu quy định đối với việc thực hiện TTHC bằng hình thức trực tuyến.	- Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012; - Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014; - Thông tư số 11/2022/TT-BTNMT ngày 20/10/2022; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023; - Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND; Nghị quyết 08/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023.	Toàn trình	x	x
----	--	--	---	--	---	---	------------	---	---

11	Cấp Giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn (1.000987) - (Số thứ tự 17 Quyết định số 1119/QĐ-UBND ngày 14/5/2021) - Quyết định số 1239/QĐ-BTNMT ngày 12/5/2023	Bổ sung tên văn bản quy phạm pháp luật vào phần căn cứ pháp lý: “Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường”	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012; - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023.	Một phần	x	x
12	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn, giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn (1.000970) - (Số thứ tự: 18 Quyết định số 1119/QĐ-UBND ngày 14/5/2021) - Quyết định số 1239/QĐ-BTNMT ngày 12/5/2023	Bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường”	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012; - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023.	Một phần	x	x

13	Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn (1.000943) - (Số thứ tự: 19 Quyết định số 1119/QĐ-UBND ngày 14/5/2021) - Quyết định số 1239/QĐ-BTNMT ngày 12/5/2023	Bổ sung tên văn bản quy phạm pháp luật vào phần căn cứ pháp lý: “Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường”	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012; - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023.	Một phần	x	x
----	--	--	--	---	-----------------------	--	-----------------	----------	----------

2. Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi cấp huyện

STT	Tên thủ tục hành chính	Nội dung sửa đổi	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Mức độ cung ứng DVCTT	Tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
								Tiếp nhận	Trả kết quả
	Lấy ý kiến UBND cấp huyện đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh; dự án đầu tư xây dựng hồ chứa, đập dâng trên sông suối nội tỉnh thuộc trường hợp phải xin phép; công trình khai thác, sử dụng nước mặt (không phải là hồ chứa, đập dâng) sử dụng nguồn nước nội tỉnh với lưu lượng khai thác từ 10 m³/giây trở lên; công trình khai thác, sử dụng nước dưới đất (gồm một hoặc nhiều giếng khoan, giếng đào, hố đào, hành lang, mạch lộ, hang động khai thác nước dưới đất thuộc sở hữu của một tổ chức, cá nhân và có khoảng cách liền kề giữa chúng không lớn hơn 1.000 m) có lưu lượng từ 12.000 m³/ngày đêm trở lên” (1.001645); - Quyết định số 2031/QĐ-BTNMT ngày 21/7/2023	Sửa đổi tên thủ tục hành chính theo Quyết định 438/QĐ-BTNMT ngày 01/3/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường: “Lấy ý kiến UBND cấp xã, cấp huyện đối với các dự án đầu tư có chuyển nước từ nguồn nước nội tỉnh”	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của UBND cấp huyện	Không	- Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012; - Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023.	Một phần	x	x

